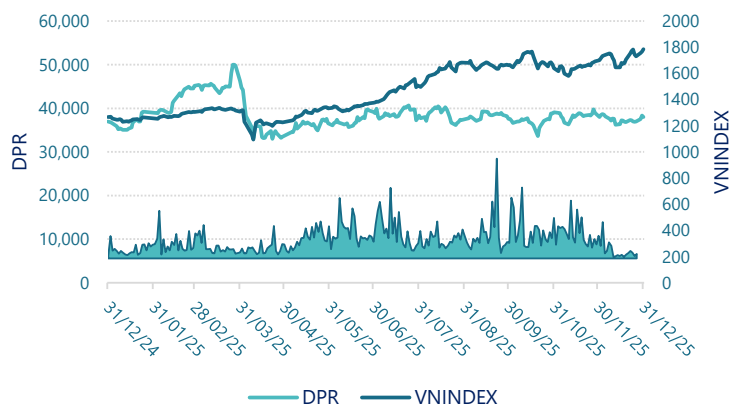


CTCP Cao su Đồng Phú (HSX: DPR)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	38,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	49,985
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,990
SL cổ phiếu LH	86,885,932
KLGD BQ 20 phiên (CP)	346,885
% sở hữu nước ngoài	5.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,302
P/E	9.5
EPS	4,002

DT thuần

Q4/25

457

tỷ VNĐ

QoQ: ▼25.0| -5.2%

LN sau thuế

Q4/25

121

tỷ VNĐ

QoQ: ▼34.0| -21.7%

YoY: ▼20.0| -13.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

37.0%

+/- YoY: ▲ 6.2%

DT thuần

2025

1,343

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 119| 9.7%

LN sau thuế

2025

414

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 90.0| 27.8%

ROE

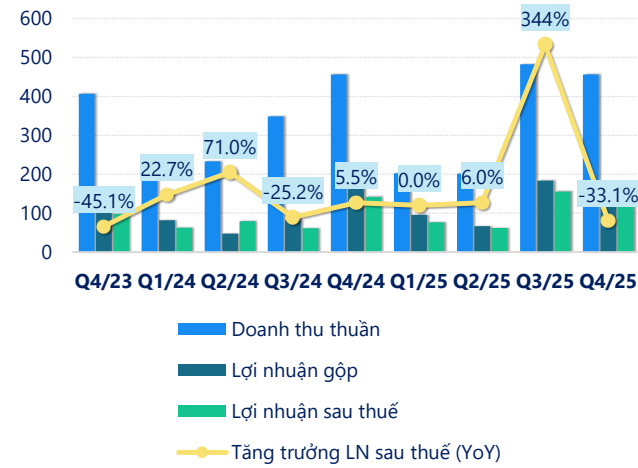
2025

10.5%

+/- YoY: ▲ 2.2%

tỷ VNĐ

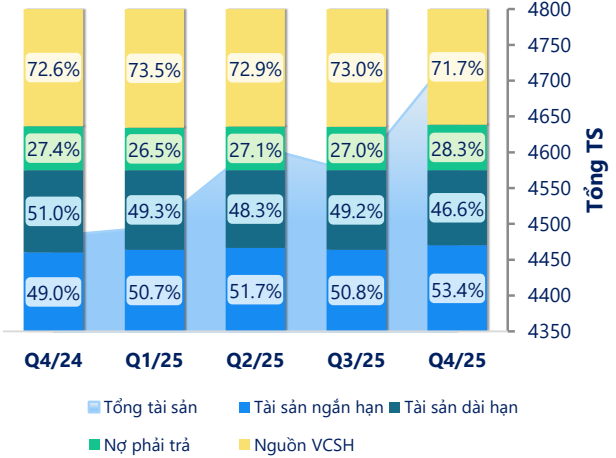
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

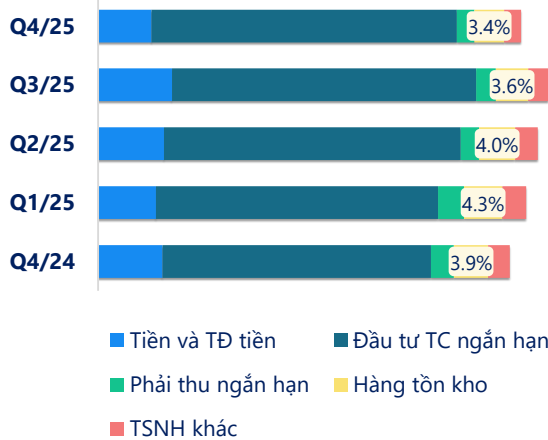
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



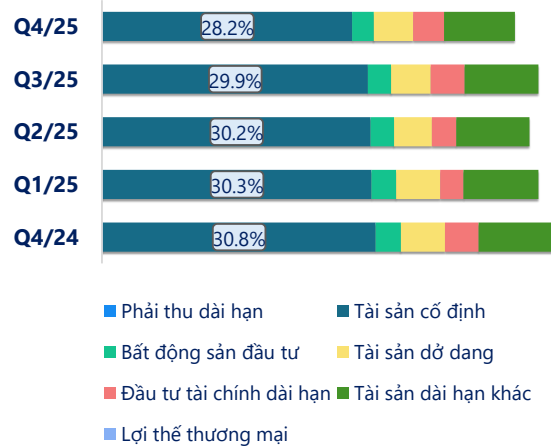
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

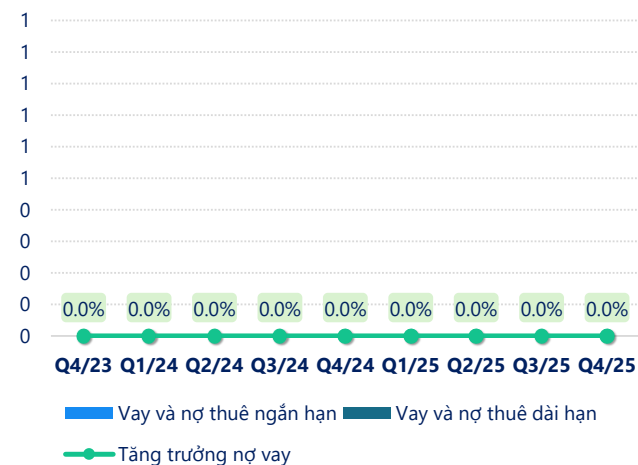
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

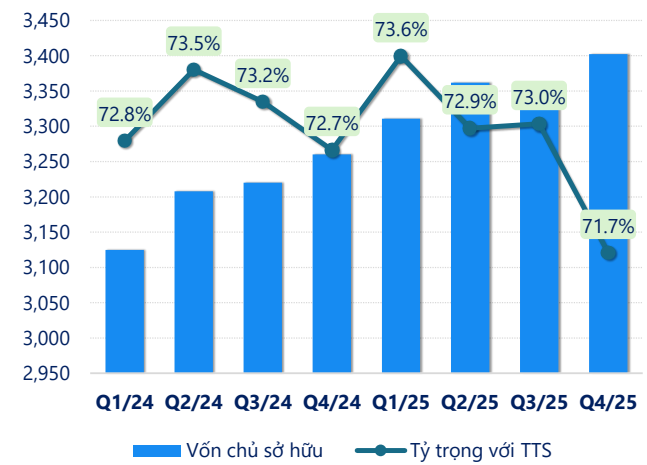
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

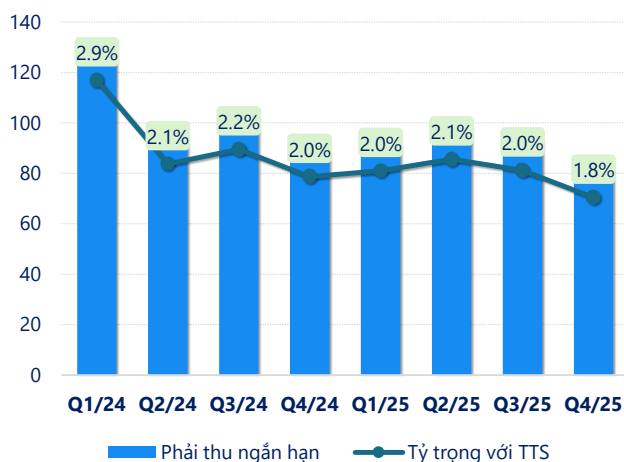
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



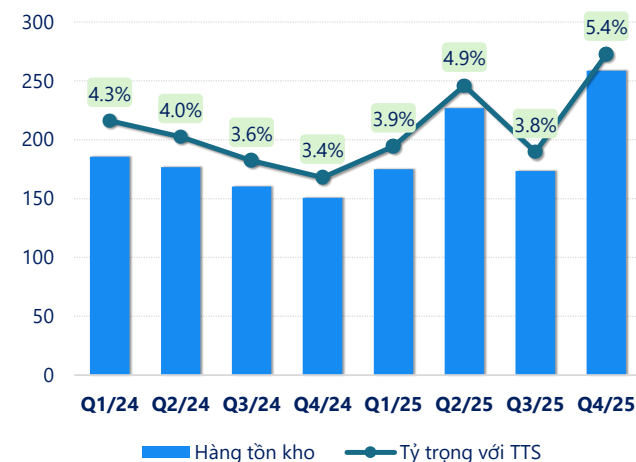
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


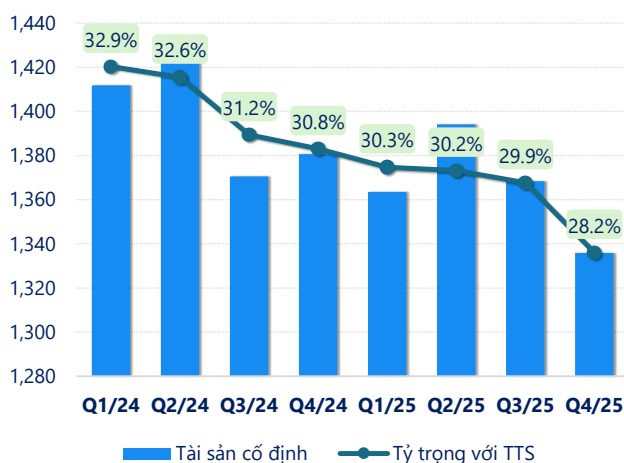
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


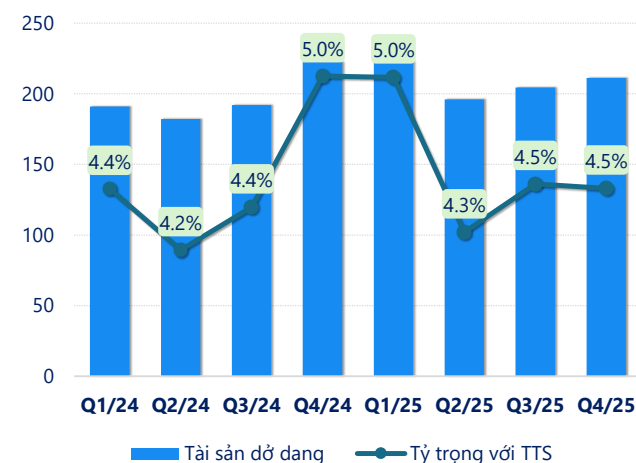
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

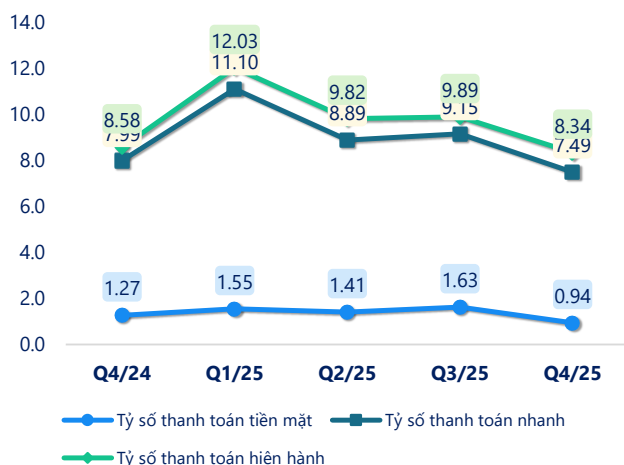
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

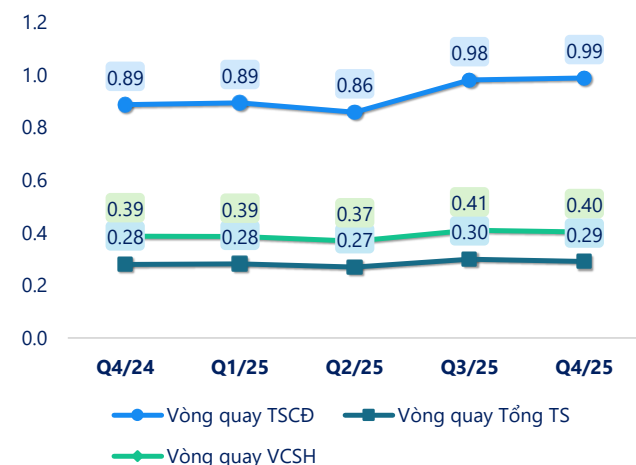
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	4,483	4,496	4,610	4,572	4,745
Tài sản ngắn hạn	2,195	2,282	2,385	2,321	2,533
Tiền và tương đương tiền	326	294	343	382	286
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,545	1,644	1,621	1,608	1,773
Phải thu ngắn hạn	88.2	91.1	98.6	92.8	83.5
Hàng tồn kho	151	175	227	173	259
Tài sản ngắn hạn khác	86.5	77.6	95.8	65.1	132
Tài sản dài hạn	2,288	2,214	2,224	2,251	2,212
Phải thu dài hạn	3.60	3.62	3.67	3.67	3.66
Tài sản cố định	1,381	1,363	1,394	1,368	1,336
Bất động sản đầu tư	129	125	122	119	116
Tài sản dở dang	222	223	196	204	211
Đầu tư tài chính dài hạn	170	118	127	175	165
Tài sản dài hạn khác	383	381	381	380	380
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,228	1,190	1,248	1,236	1,343
Nợ ngắn hạn	256	190	243	235	304
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	5.79	13.8	8.52	5.98	14.8
Nợ dài hạn	972	1,000	1,005	1,001	1,039
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,255	3,306	3,362	3,336	3,402
Vốn chủ sở hữu	3,260	3,311	3,362	3,336	3,402
Vốn điều lệ	869	869	869	869	869
Kinh phí và quỹ khác	-4.94	-4.94	-0.27	-0.27	0

(Nguồn: fireant.vn)